

ĐƠN VỊ : TH VÕ THỊ SÁU

CHƯƠNG : 822 , LOẠI:490

CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU THÁNG 12 NĂM 2025

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	chênh lệch	Số quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
	Nguồn thu khác				
1	Tồn chuyển sang	87.731.873	87.731.873		
	Tiền học GD Công dân số	3.272.200	3.272.200		
	Tiền phục vụ	15.398.100	15.398.100		
	Tiền học kỹ năng sống	3.460.900	3.460.900		
	Tiền học Stem	1.322.850	1.322.850		
	Tiền chăm sóc sức khỏe học sinh (TK 3713)	64.277.823	64.277.823		
	Tiền ăn học sinh		-		
2	Tổng số thu :	871.316.802	871.316.802		
	Tiền học GD Công dân số	72.630.000	72.630.000		
	Tiền phục vụ bán trú	132.314.000	132.314.000		
	Tiền học kỹ năng sống	48.660.000	48.660.000		
	Tiền học Stem	64.880.000	64.880.000		
	Tiền chăm sóc sức khỏe học sinh	28.802	28.802		
	Tiền ăn học sinh	552.804.000	552.804.000		
3	Tổng số chi	904.066.590	904.066.590		
	Tiền học GD Công dân số	69.724.800	69.724.800		
	Tiền phục vụ bán trú	124.063.390	124.063.390		
	Tiền học kỹ năng sống	47.038.000	47.038.000		
	Tiền học Stem	62.447.000	62.447.000		
	Tiền chăm sóc sức khỏe học sinh	47.989.400	47.989.400		
	Tiền ăn học sinh	552.804.000	552.804.000		
4	Tồn	54.982.085	54.982.085		
	Tiền học GD Công dân số	6.177.400	6.177.400		
	Tiền phục vụ bán trú	23.648.710	23.648.710		
	Tiền học kỹ năng sống	5.082.900	5.082.900		
	Tiền học Stem	3.755.850	3.755.850		
	Tiền chăm sóc sức khỏe học sinh	16.317.225	16.317.225		
	Tiền ăn học sinh	-	-		

Bến cát , ngày 30 tháng 01 năm 2026

Lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Liên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Sỹ An Quốc